FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	21,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,400
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,735
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,188
P/E	2094.0
EPS	10

	YTD	1T	3T	6T
NBB	-2.0%	-4.2%	2.1%	-0.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

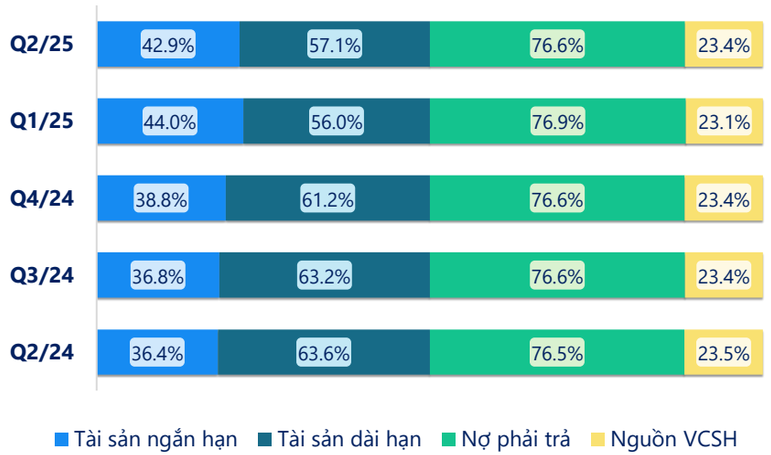

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

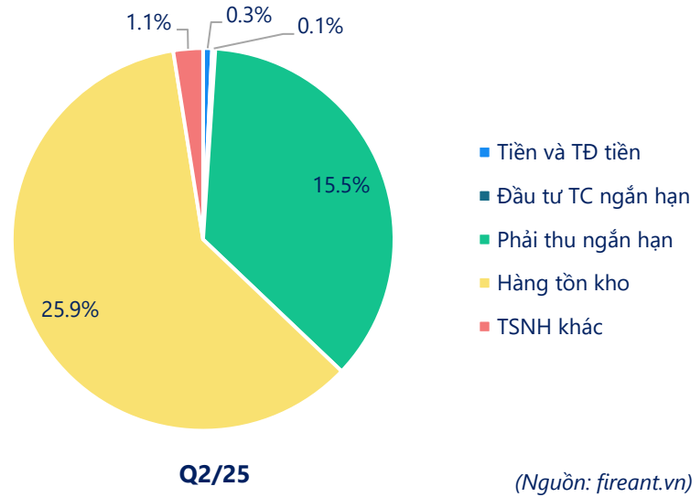

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

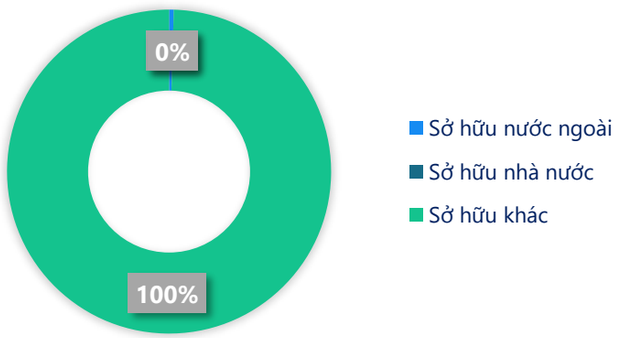

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

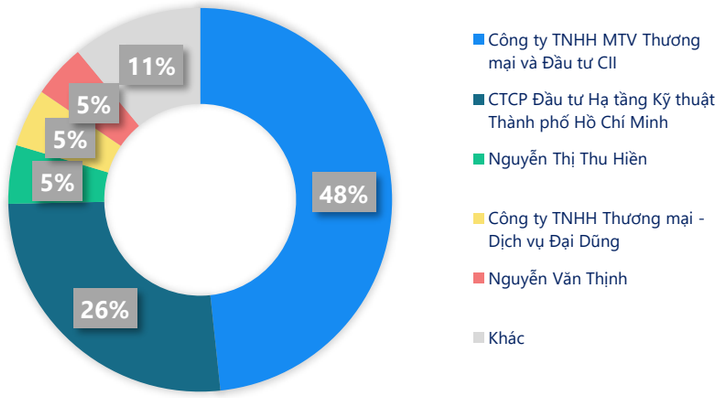

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

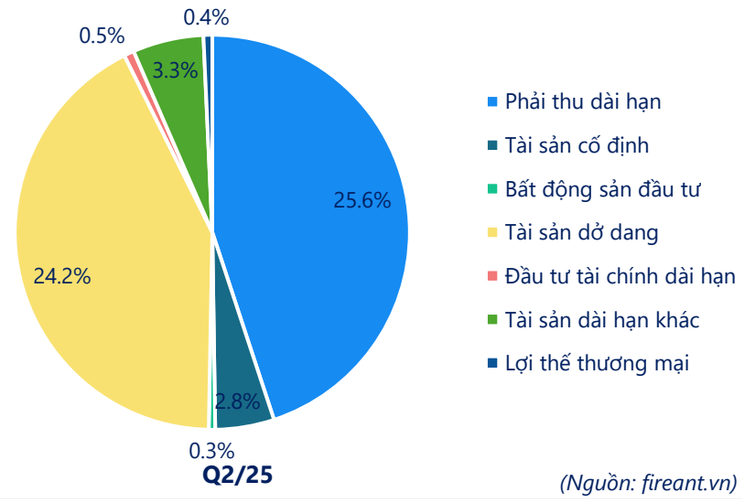

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Tiền và tương đương tiền

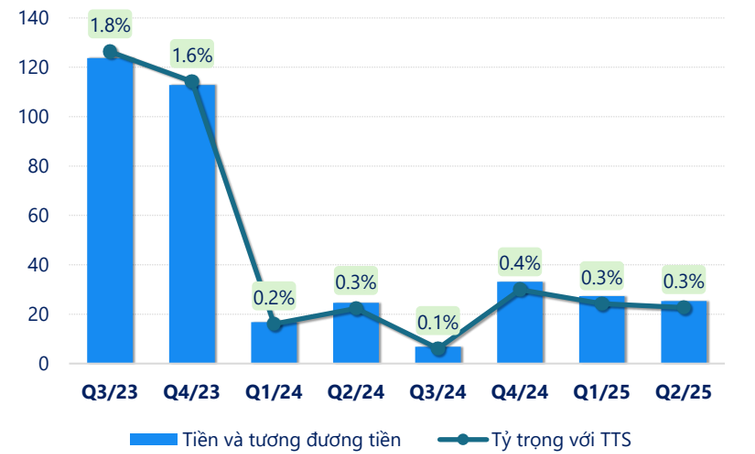

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

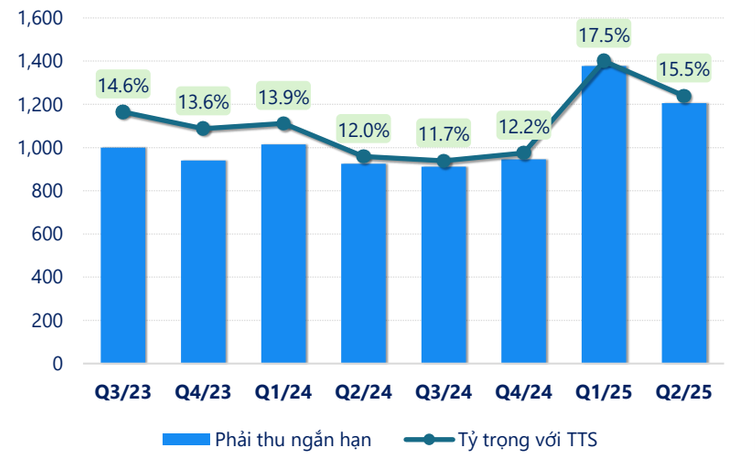

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

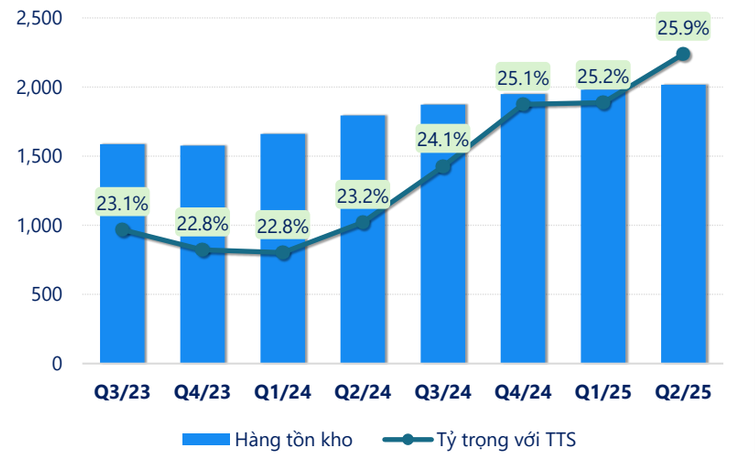

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

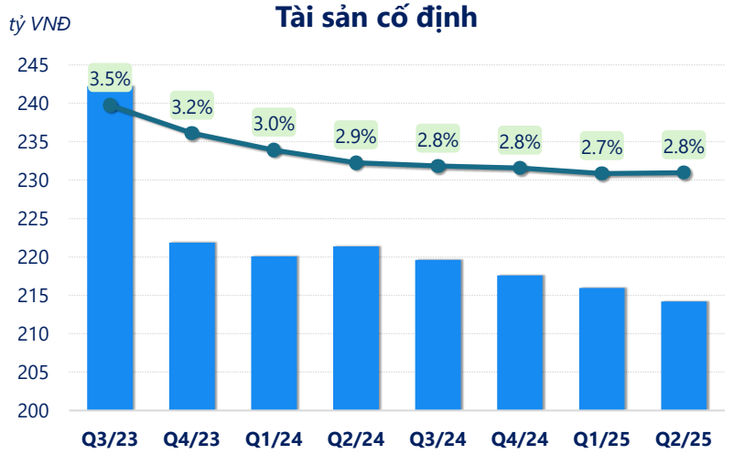

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

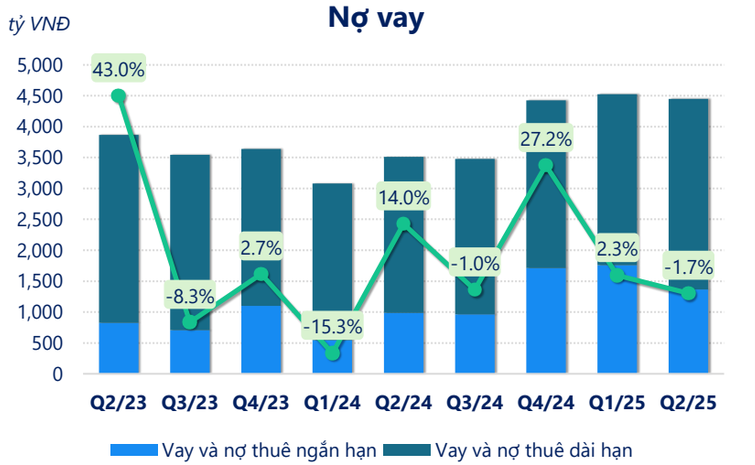

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

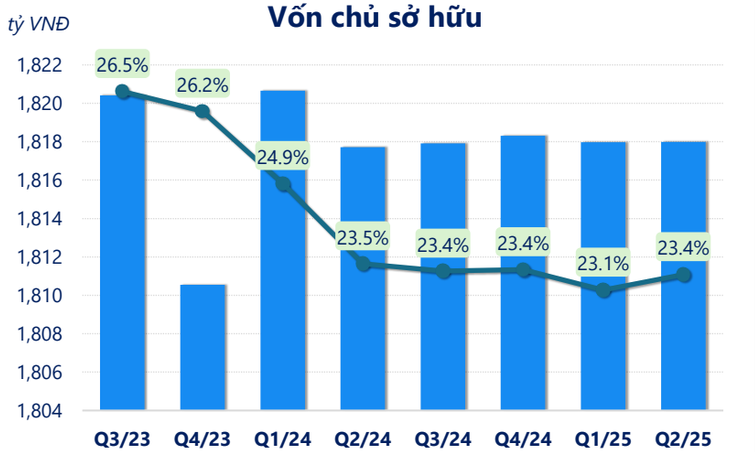

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Kết quả kinh doanh

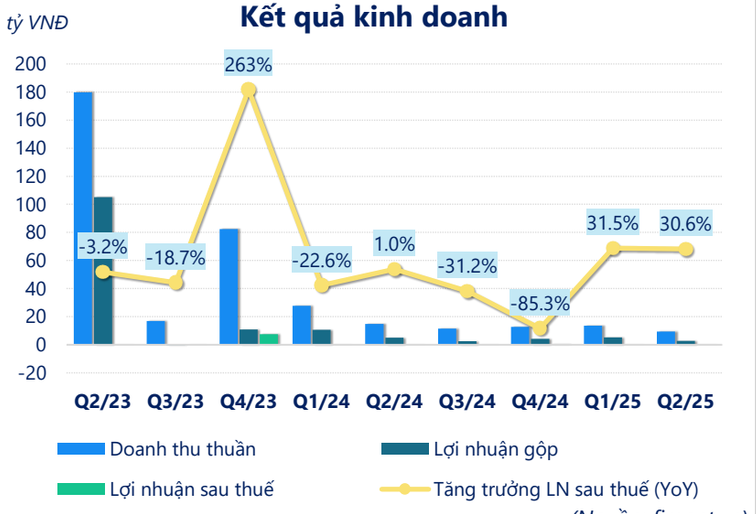

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

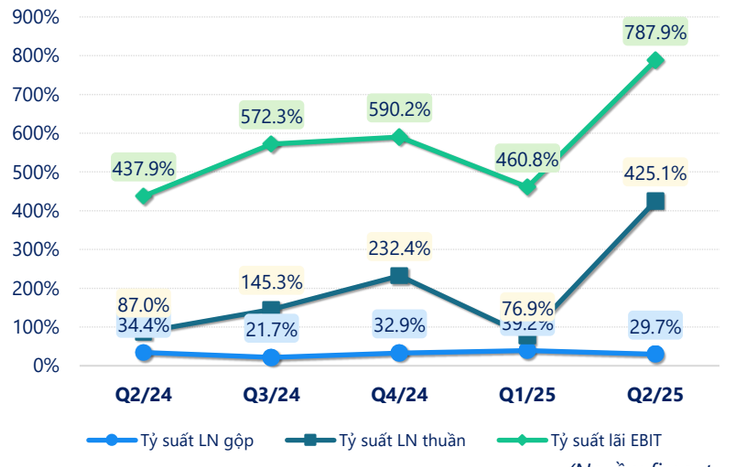

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

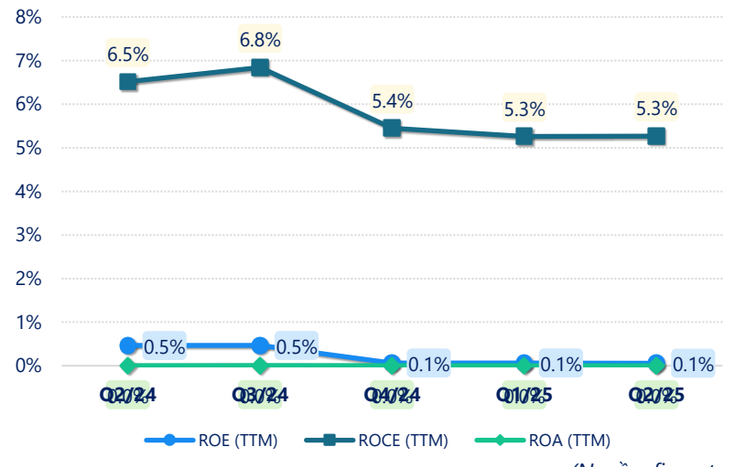

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

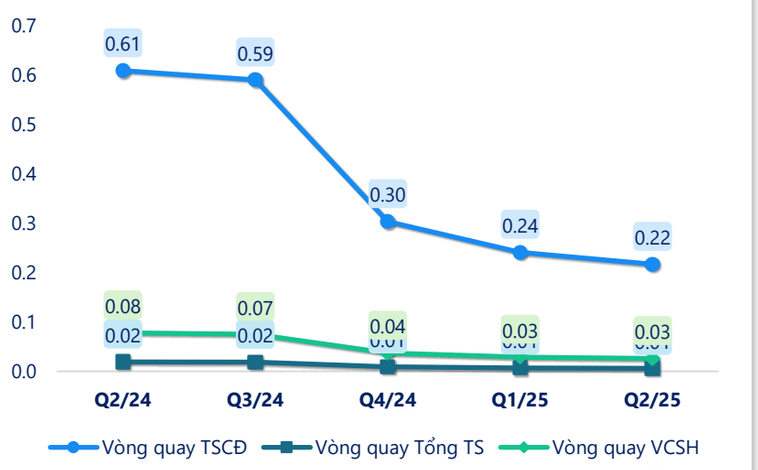

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

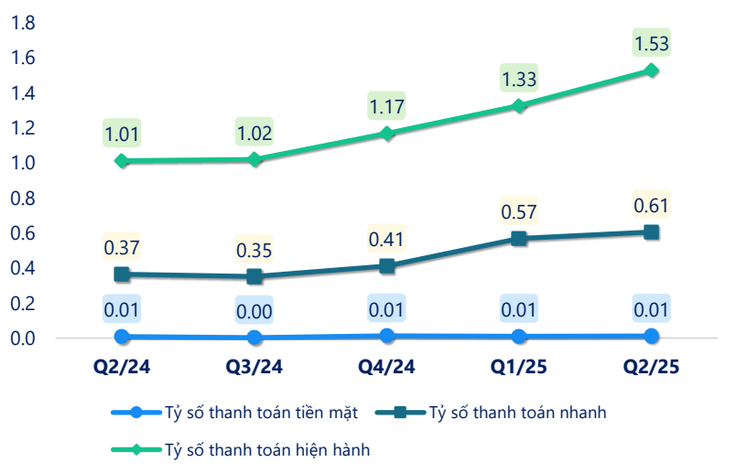

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

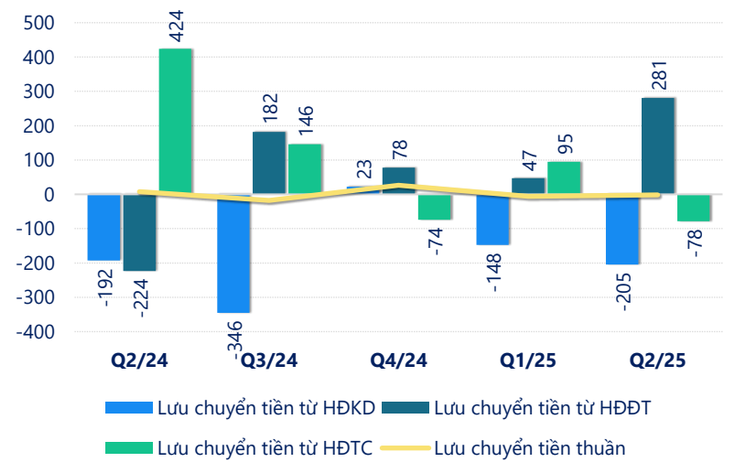

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,783**	**7,754**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	3,341	3,390	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	25.3	33.1	-23.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.00	9.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,206	1,345	-10.3%
Hàng tồn kho	2,018	1,932	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	83.8	70.7	18.5%
Tài sản dài hạn	**4,441**	**4,364**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	1,996	2,008	-0.6%
Tài sản cố định	214	218	-1.6%
Bất động sản đầu tư	23.4	24.0	-2.6%
Tài sản dở dang	1,882	1,796	4.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**258**	**248**	**4.0%**
Lợi thế thương mại	32.0	34.0	-5.9%
Nợ phải trả	5,965	5,936	0.5%
Nợ ngắn hạn	**2,186**	**2,572**	**-15.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,366	1,718	-20.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.4	96.0	-2.7%
Nợ dài hạn	3,778	3,363	12.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,083	2,714	13.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**0.0%**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	14.8	11.5	12.7	13.6	9.42
Giá vốn hàng bán	9.68	8.99	8.53	8.28	6.62
Lợi nhuận gộp	5.08	2.48	4.18	5.35	2.80
Doanh thu HĐTC	76.0	81.8	94.9	71.4	115
Chi phí TC	62.9	64.5	65.7	62.4	70.7
Chi phí lãi vay	60.8	63.8	65.5	61.7	68.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.38	0.22	0.19	0.61	0.01
Chi phí QLDN	4.91	2.91	3.64	3.25	7.08
LN thuần từ HĐKD	12.8	16.7	29.5	10.5	40.1
Lợi nhuận khác	-8.97	-14.8	-20.0	-9.42	-34.7
LN trước thuế	3.88	1.84	9.50	1.06	5.34
Lợi nhuận sau thuế	0.19	0.19	0.40	0.05	0.05
LNST của CĐ cty mẹ	0.25	0.44	0.37	0.12	0.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-192	-346	22.6	-148	-205
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-224	182	78.1	47.0	281
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	424	146	-74.3	95.0	-78.0
Tiền đầu kỳ	16.8	24.5	6.76	33.1	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	**7.75**	**-17.8**	**26.4**	**-5.85**	**-2.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.5	6.76	33.1	27.3	25.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic